

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 84/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh ngày 20/7/1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang làm việc tại Số 495 đường Nhân Hùng, khu Nhân Võ, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 04/10/1990. Tuy nhiên ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, từ thời điểm đó đến nay ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới ông bà sống với gia đình ông T tại thôn K, xã D, huyện B, Hải Dương. Năm 2004 bà sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu vợ chồng vui vẻ, vài năm bà lại nghỉ phép về thăm gia đình. Khoảng năm 2014 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không muốn bà ở lại Đài Loan lao động nhưng bà không đồng ý. Từ đó mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng, các lần nghỉ phép bà về nhà mẹ đẻ mà không về ở chung với ông T, vợ chồng cũng không còn

liên lạc với nhau. Nay bà xác định tính cách, quan điểm của ông bà không hợp nhau, không quan tâm nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/8/1991 và Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 26/4/1999. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà H tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đúng như bà H đã trình bày. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tuy nhiên bà H có nguyện vọng ly hôn, ông cũng nhất trí.

Về con chung: Ông bà có 2 con chung đúng như bà H trình bày. Hiện con chung đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 3673/QLXNC-P5 ngày 07/3/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định bà H xuất cảnh ngày 26/12/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T đến TAND tỉnh Hải Dương. Hiện tại bà H đang lao động tại nước ngoài nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt bà H, ông T tuy nhiên ông bà đều có đơn xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1990, ông bà chỉ làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục chứ không ra Ủy ban đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống được khoảng 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong

quan điểm sống, ông bà đã không còn liên lạc với nhau trong khoảng thời gian dài, thời gian ly thân đã lâu. Nay bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, ông T cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà H. Xét thấy ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Do vậy căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T trước pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông bà 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/8/1991 và Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 26/4/1999. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0006042 ngày 13/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (bà H đã thi hành xong).

Án xử sơ thẩm công khai đã báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chát